

Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST

Ngày 27/6/2022

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tường Thị Thu và bà Triệu Thị Yên.

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn LR1, xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hà Công D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn LR1, xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải ngày 12/5/2022, nguyên đơn chị Triệu Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Triệu Thị V và anh Hà Công D qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2021 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 29/3/2021. Chị V và anh D được tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn chị V và anh D chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh D tại thôn LR1, xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình

chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, cho đến tháng 8 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh D là người gia trưởng, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã nên vợ chồng đã ly thân từ dịp tết âm lịch năm 2022 cho đến nay. Chị V xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Hà Công D.

- Về con chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, lời trình bày tại phiên họp hoà giải ngày 12/5/2022, bị đơn anh Hà Công D nêu quan điểm:

- Về hôn nhân: Anh Hà Công D và chị Triệu Thị V qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2021 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 29/3/2021. Anh D và chị V được tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh D tại thôn LR1, xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn lớn, cho đến ngày mừng ba tết âm lịch năm 2022 thì chị V tự ý dọn đồ đạc về ở nhà bố mẹ đẻ nên vợ chồng đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Anh D xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị V vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh D có nguyện vọng được đoàn tụ, không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị V.

- Về con chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Triệu Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên họp hoà giải ngày 12/5/2022, cụ thể: Về hôn nhân đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh Hà Công D; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Công D vắng mặt không có lý do, Toà án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định và không có văn bản gửi tới Toà án thể hiện ý kiến quan điểm gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị V, cho chị Triệu Thị V được ly hôn anh Hà Công D; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh D không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn đối với anh Hà Công D; anh Hà Công D có hộ khẩu thường trú tại thôn LR1, xã HA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như đơn khởi kiện, bị đơn anh Hà Công D vắng mặt không có lý do và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị V và anh Hà Công D là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn chị V và anh D chung sống tại thôn LR1, xã HA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang; Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, bất đồng trong cách sinh hoạt hàng ngày, xảy ra nhiều cãi vã nên vợ chồng đã ly thân từ tết âm lịch năm 2022 đến nay, chị V xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hà Công D. Anh Hà Công D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Triệu Thị V.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh D đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 27/5/2022 (BL 35)

thấy rằng chị V và anh D đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 (âm lịch) cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho cuộc sống chung nữa, do vậy giữa anh D và chị V không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị V, cho chị Triệu Thị V được ly hôn anh Hà Công D.

[2.2] Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Triệu Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Hà Công D không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị V, cho chị Triệu Thị V được ly hôn anh Hà Công D.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*). Chị V đã nộp 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0003653 ngày 15/02/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh Hà Công D không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã HA (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh